

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2022.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng.

Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20/12/2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HN, ngày 14/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ nhất, có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà M xác lập hôn nhân ngày 21/02/1992, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2002 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi tiến đến hôn nhân ông và bà M có quen nhau trước, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán, Nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn. Quá trình chung sống đến năm 2018 ông cất chòi ngụ ấp L, xã H cách nhà khoảng 03 km để nuôi tôm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tại chòi nuôi tôm ông có tổ chức nhậu và hát karaoke vài lần, có người phụ nữ cùng đến tham gia, lúc này tin đồn đến bà

M hay tin bắt đầu ghen tuông chửi bới, xúc phạm danh dự ông nhiều lần nhưng không nghe ông giải thích, dẫn đến gây gổ nhau. Ngoài ra về lối sống ứng xử giao tiếp bà M không quan tâm đến gia đình ông, khi mẹ ông chết bà Mai không về chịu tang... mâu thuẫn xảy ra ngày càng nhiều, làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, bà M xé bỏ Giấy chứng nhận kết hôn và đuổi ông ra khỏi nhà (*do ông sống bên vợ*), từ đó ông không thể nào sống được và bỏ nhà ra đi từ ngày 06/5/2021, chấm dứt tình cảm vợ chồng đến nay, không hàn gắn lại được. Nay ông yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà M.

- *Về nuôi con tên:* Trần Thái V, sinh năm 1992 và Trần Thị Vân A, sinh năm 1999, hiện 02 con đã thành niên, đều có việc làm nên ông không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Ông không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M là bị đơn trong vụ án, bà M vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông C, xử cho ông C được ly hôn với bà M, các con của ông C, bà M đã thành niên, các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc ông C phải nộp 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bà Nguyễn Thị M là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ nhất bà M vắng mặt và có làm đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy ông C khởi kiện bà M yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Mai, ngoài ra ông không yêu cầu gì

khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy ông C, bà M xác lập hôn nhân ngày 21/02/1992, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2002 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Ông C khai: Quá trình chung sống đến năm 2018 ông cất chòi ngụ ấp Ô Lồ, xã H, cách nhà khoảng 03 km để nuôi tôm được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tại chòi nuôi tôm ông tổ chức nhậu và hát karaoke vài lần, có vài người phụ nữ đến tham gia, lúc này tin đồn đến bà M hay tin bắt đầu ghen tuông chửi bới, xúc phạm danh dự ông nhiều lần, không nghe ông giải thích, dẫn đến gây gỗ với nhau. Ngoài ra về lối sống ứng xử giao tiếp bà M không quan tâm đến gia đình ông, khi mẹ ông chết bà M không về chịu tang...từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn xảy ra nhiều nhưng không khắc phục, bà M đã xé bỏ giấy chứng nhận kết hôn và đuổi ông ra khỏi nhà (*do ông sống bên vợ*), từ đó ông bỏ nhà ra đi từ ngày 06/5/2021 và chấm dứt tình cảm vợ chồng cho đến nay nên tình cảm không còn, không hàn gắn lại được. Tại phiên tòa ông cương quyết xin được ly hôn với bà M.

Đối với bà M, Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà M nhận nhiều lần, nhưng bà M không chịu ký tên nhận văn bản tố tụng của Tòa án, quá trình giải quyết vụ án bà M không tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải bà M đều vắng mặt không lý do, từ đó phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa lần thứ nhất, bà M tiếp tục vắng mặt và có làm đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nhưng bà M không gửi văn bản ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân mà ông C khởi kiện, từ đó cho thấy khả năng đoàn tụ vợ chồng giữa ông C, bà M là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông C, bà M xảy ra từ tháng 5 năm 2021 đến nay ông bà đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân gần 01 năm, tại phiên tòa ông C xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với bà M, từ đó làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông C, xử cho ông C được ly hôn với bà M là đúng quy định pháp luật.

- *Về nuôi con*: Xét thấy ông C, bà M chung sống sinh 02 người con tên Trần Thái V, sinh năm 1992 và Trần Thị Vân A, sinh năm 1999, hiện 02 con đã thành niên, đều có việc làm, do các con đã thành niên nên ông C không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân: Buộc ông Trần Văn C nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Trần Văn C.

- Về hôn nhân: Xử cho ông Trần Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

- Về án phí: Buộc ông Trần Văn C nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007957, ngày 20/12/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Ông Trần Văn C đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo:

+ Ông Trần Văn C có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bà nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm